TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĂN BÀN** TỈNH LÀO CAI Bản án số: 44/2023/ HSST Ngày 07 tháng 9 năm 2023	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN BÀN – TỈNH LÀO CAI

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên toà: Bà Đỗ Thị Lựa.

Các Hội thẩm nhân dân:

1, Ông Lê Hoàng Chuân – Bí thư đảng ủy xã Dần Thàng, huyện VB, tỉnh LC.

2, Bà Vũ Thị Hồng Hải –Giáo viên trường Trung học cơ sở thị trấn Khánh Yên huyện VB, tỉnh LC.

- *Thư ký phiên tòa*: Ông Nông Ngọc Giang- Thư ký Tòa án nhân dân huyện VB, tỉnh LC.

- *Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Bàn, Lào Cai tham gia phiên tòa*: Ông Nguyễn Thanh Xuân- Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 9 năm 2023,Tòa án nhân dânhuyện VB, tỉnh LC,xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 30/2023/TLST-HS ngày 29/5/2023, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2023/QĐXXST-HS ngày 20/6/2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2023/ QĐST - HS ngày 30 tháng 6 năm 2023; Quyết định tạm đình chỉ số 01/2023/HSST-QĐ ngày 14/7/2023; Quyết định phục hồi vụ án số 01/2023/HSST-QĐ ngày 16/8/2023 đối với:

Họ và tên: Lương Ngọc N (tên gọi khác: Không), sinh ngày 14/12/2006. Nơi sinh tại huyện VB, tỉnh LC. Nơi thường trú xã ChK, huyện VB, tỉnh LC. Nơi ở hiện tại: Thôn Chiềng 3, xã ChK, huyện VB, tỉnh LC; Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ học vấn: 10/12; Dân tộc: Tày; Giới tính: N.Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt N; Con ông Lương Văn Mến, sinh năm 1983, con bà Hoàng Thị Phương, sinh năm 1968. Hiện trú tại thôn Chiềng 3, xã ChK, huyện VB, tỉnh LC; Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án: Không; Tiền sự: Không. Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 12/5/2023. Bị cáo bỏ trốn, vắng mặt không có lý do.

+) Người đại diện theo pháp luật cho bị cáo- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là: Ông Lương Văn Mến, sinh năm 1983. Địa chỉ: Thôn Chiềng 3, xã ChK, huyện VB, tỉnh LC- Có mặt.

+) Người bào chữa cho bị cáo là: Bà Lương Thị Chuyến - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Lào Cai –Có mặt.

+) Người bị hại: Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1994. Địa chỉ: Thôn Noong Dơn, xã Kh YTh, huyện VB, tỉnh LC. Vắng mặt có lý do.

Người làm chứng: +Cháu Hoàng Đại H, sinh năm 2005; chị Ngân Thị k, sinh năm 1982. Đều có địa chỉ: Thôn B, xã Kh YTr, huyện VB, tỉnh LC.

+ Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1996; anh Hà Đình L, sinh năm 1988.Đều có địa chỉ: Thôn ND, xã Khánh YTh, huyện VB, tỉnh LC. Vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 20 giờ ngày 28/01/2023, Lương Ngọc N đến nhà La Ngọc Giang, sinh năm 2005 ở thôn Bô 2, xã Khánh Yên Hạ, huyện Văn Bàn để chơi lúc này Hoàng Đại Hải, sinh năm 2005, nơi cư trú: Thôn Bơ, xã Khánh Yên Trung, huyện Văn Bàn có mặt ở đó. N và Giang đã hỏi mượn chiếc xe mô tô biển kiểm soát 24V1-242.96 của Hải để đi chơi. Hải đồng ý, N và Giang lấy xe vừa mượn của Hải để đi lên thị trấn Khánh Yên, huyện Văn Bàn chơi. Đến khoảng 00 giờ ngày 29/01/2023, N điều khiển xe mô tô chở Giang theo đường tỉnh lộ151B về nhà Giang, khi đi qua nhà anh Hà Đình Luân thuộc thôn Noong Dờn, xã Khánh Yên Thượng thì N nhìn thấy có chiếc xe mô tô BKS: 24V1- 212.20 màu Trắng – Đen-Bạc vẫn cắm chìa khóa điện, đang dựng ở sân trước nhà. Cả hai đi thêm khoảng 50m rồi N dừng xe lại hỏi Giang: *"Có xe vẫn cắm chìa khóa kìa, có lấy không"*, Giang trả lời: *"Có"*. N và Giang đi bộ đến vị trí chiếc xe, thấy mọi người trong nhà đang ngồi uống rượu không ai để ý, Giang đi vào trước giữ đầu xe, còn N giữ phần đuôi xe để kéo lùi xe ra ngoài đường. Giang mở khoá điện, nổ máy điều khiển chiếc xe vừa trộm cắp được, còn N điều khiển xe mượn của Hải, đi được khoảng 100m thì rẽ vào đường liên thôn thuộc thôn Noong Khuấn, xã Khánh Yên Trung, huyện Văn Bàn cả hai dừng lại. Giang mở cốp xe ra kiểm tra xem thì thấy có một chiếc cờ lê bằng kim loại cỡ 10, cả hai dùng chiếc cờ lê tháo biển kiểm soát của xe mô tô trộm cắp được và cất biển số xe vào trong cốp, sau đó N điều khiển xe mô tô vừa trộm cắp được còn Giang điều khiển xe mô tô mượn của Hải về trả xe cho Hải. Xong cả hai đi xe vừa trộm cắp được đi về nhà của Giang cất giấu và đi ngủ. Đến khoảng 12 giờ cùng ngày Giang và N đã cùng nhau tháo 02 ốp bên sườn, ốp phía trước và phía sau đèn pha của xe và để lại tại nhà Giang cùng biển số của xe trộm cắp được. Giang và N lấy ốp phía trước và phía sau đèn pha màu khác đã cũ mà Giang đã xin được từ trước để lắp thay thế các chi tiết vừa tháo để tránh bị phát hiện. Sau đó N và Giang đã sử dụng chiếc xe trộm cắp được làm phương tiện đi lại. Đến ngày 02/02/2023, nhận thức được hành vi vi phạm, N và Giang đã đến Công an huyện Văn Bàn để đầu thú, giao nộp chiếc xe mô tô trộm cắp được không có BKS và 01 ốp nhựa bảo vệ cụm đèn pha phía trước, màu đen và 01 tấm ốp nhựa bảo vệ cụm đèn pha phía sau, màu xanh của xe mô tô đều mang nhãn hiệu Honda Wave Alpha, đã cũ. Ngoài ra, cơ quan công an còn tạm giữ của Hoàng Đại Hải chiếc xe mô tô BKS: 24V1-242.96. Quá trình điều tra xác định chiếc xe mô tô BKS: 24V1- 212.20 là anh Nguyễn Văn Đam, sinh năm 1994 mượn của em trai là Nguyễn Văn Đoàn, sinh năm 1996 cùng trú tại Thôn Noong Dờn, xã Khánh Yên Thượng, huyện VB, tỉnh LC để đi đến nhà anh Luân ăn cơm và để tại đó.

Sau khi khởi tố Lương Ngọc N đã bỏ trốn, cơ quan điều tra đã tách vụ án, tạm đình chỉ và bị truy nã, đến ngày 11/5/2023 ra đầu thú.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 27/KL-ĐGTS ngày 03/02/2023 của Hội đồng ĐGTS trong tố tụng hình sự huyện Văn Bàn kết luận: 01 (một) xe mô tô đã qua sử dụng Biển kiểm soát 24V1-212.20 nhãn hiệu Honda; Số loại WAVE ALPHA; Số máy: JA39E1358247; Số khung: 3914LY024239; Màu sơn: Trắng-Đen-Bạc. Đăng ký ngày 21/01/2020. Giá trị xe mô tô tại thời điểm tháng 01/2023 là 12.350.000đồng.

Tại bản cáo trạng số 30/CT-VKS ngày 26/5/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Bàn truy tố Lương Ngọc N ra trước Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn để xét xử về tội "Trộm cắp tài sản"theo khoản 1Điều 173 Bộ luật hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Bàn trình bày lời luận tội, giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Lương Ngọc N, đề nghị hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo phạm tội "Trộm cắp tài sản".

- *Về hình phạt chính:* Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58, Điều 91; Điều 98, khoản 1 Điều 101 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Lương Ngọc N từ 07 tháng đến 09 tháng tù.

- *Hình phạt bổ sung:* Do bị cáo phạm tội khi chưa đủ 18 tuổi nên không áp dụng hình phạt tiền đối với bị cáo

Về trách nhiệm dân sự: Đã giải quyết trong giai đoạn điều tra nên cần được công nhận.

Về xử lý vật chứng: Đã được xử lý tại bản án số 23/2023/HS-ST ngày 18/5/2023 của Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn, nên không đề cập giải quyết

Tại phiên tòa hôm nay người bào chữa cho bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Lương Ngọc N phạm tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173; điểm b, h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58, Điều 91; Điều 98, khoản 1 Điều 101 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Lương Ngọc N 07 tháng tù.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, lời khai của bị cáo và lời khai của những người tham gia tố tụng khác có trong hồ sơ vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Văn Bàn, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Bàn, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi của bị cáo bị truy tố: Quá trình điều tra bị cáo Lương Ngọc N khai nhận: Lợi dụng sơ hở, mất cảnh giác của chủ hở hữu nên thời gian khoảng 00

giờ ngày 29/01/2023 N và Giang đã nén lút thực hiện hành vi trộm cắp chiếc xe mô tô BKS: 24V1- 212.20 màu Trắng – Đen - Bạc trị giá 12.350.000đồng của anh Nguyễn Văn Đam.

Như vậy, lời khai nhận tội của bị cáo tại cơ quan điều tra phù hợp với lời khai của người bị hại, những người tham gia tố tụng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án nên có đủ cơ sở xác định: Ngày 29/01/2023, bị cáo N và Giang đã thực hiện hành vi trộm cắp 01 xe mô tô trị giá 12.350.000đồng. Do đó, hành vi của bị cáo đã cấu thành tội " Trộm cắp tài sản". Do vậy, Bản cáo trạng số 30/CT-VKS ngày 26/5/2023của Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Bàn đã truy tố bị cáo Lương Ngọc N về tội " Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội.

Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, trong đó: Lương Ngọc N là người khởi xướng và tích cực thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Do đó bị cáo phải chịu trách nhiệm chính với vai trò là người thực hành.

[3] Hội đồng xét xử đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo:

Trong thời gian khoảng 00 giờ ngày 29/01/2023, bị cáo đã khởi xướng hành vi trộm cắp tài sản, cùng với La Ngọc Giang đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người bị hại có giá trị 12.350.000đồng, quá trình khởi tố vụ án bị cáo bỏ trốn khỏi địa phương đến ngày 11/5/2023 bị cáo ra đầu thú đến thời gian chuẩn bị xét xử bị cáo tiếp tục bỏ trốn khỏi địa phương không báo tạm vắng, không cùng cấp nơi ở mới, không nói thời gian trở về. Cơ quan điều tra đã ra lệnh truy nã nhưng không có kết quả. Hết thời hạn đã ra quyết định phục hồi vụ án.Mặc dù bị cáo đang ở độ tuổi vị thành niên, có đủ năng lực trách nhiệm hình sự và hiểu biết về pháp luật nhưng bị cáo không chịu rèn luyện, tu dưỡng, mà thiếu ý thức chấp hành pháp luật bị cáo đã bỏ trốn khỏi địa phương nhiều lần và bị truy nã gây khó khăn cho quá trình xét xử. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Do đó cần có một mức hình phạt nghiêm khắc tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo để giáo dục bị cáo trở thành người công dân có ích cho xã hội.

[4] Bị cáo Lương Ngọc N không phải chịu tình tiết tăng nặng nào theo quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên, Sau khi thực hiện hành vi trộm cắp, bị cáo đã bỏ trốn khỏi địa phương, gây khó khăn cho giải quyết vụ án.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra, truy tố bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tự nguyện bồi thường thiệt hại để khắc phục hậu quả cho người bị hại số tiền 1.000.000đ, phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại hoặc gây thiệt hại không lớn, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do đó bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, h, i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình.

[6] Về hình phạt bổ sung: Đối với bị cáo Lương Ngọc N không thuộc diện hộ nghèo, cận nghèo. Tuy nhiên, điều luật còn quy định không áp dụng hình phạt bổ sung đối với người dưới 18 tuổi phạm tội. Do vậy, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo N để thể hiện tính khoan hồng của pháp luật.

[7] Đối với đề nghị của người bào chữa cho bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm b, h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 91, Điều 98 khoản 1 Điều 101 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Lương Ngọc N 7 tháng tù. Xét thấy, đề nghị của người bào chữa về mức hình phạt cho bị cáo là chưa tương xứng với hành vi xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người bị hại có giá trị 12.350.000 và là người khởi xướng, tích cực thực hiện hành vi phạm tội nhằm mục đích chiếm đoạt tài sản của người bị hại, quá trình tham gia tố tụng bị cáo bỏ trốn khỏi địa phương nhiều lần gây khó khăn cho quá trình giải quyết vụ án nên không có căn cứ chấp nhận. Do vậy, Hội đồng xét xử xem xét tính chất, mức độ thực hiện hành vi phạm tội và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, nhân thân đối với bị cáo một cách khách quan, toàn diện khi quyết định hình phạt tù phù hợp với hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện để thể hiện tính răn đe nhưng cũng có sự khoan hồng của pháp luật.

[8].Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại anh Nguyễn Văn Đam đã được trả lại tài sản và tiền bồi thường thiệt hại về tài sản với số tiến 1.000.000 đồng, không có yêu cầu gì về trách nhiệm dân sự. Hội đồng xét xử không đề cập vấn đề giải quyết.

Đối với số tiền 1.000.000 đồng, ông Lương Văn Mến cho N không yêu cầu bồi thường.Tuy nhiên, quá trình điều tra và chuẩn bị xét xử Tòa án đã giải thích quyền định đoạt của chủ sở hữu tài sản theo quy định tại Điều 194 Bộ luật dân sự cho ông Mến nhưng ông Mến có ý kiến, là bố đẻ và sống cùng nhà, bị cáo không có tài sản riêng nên ông Mến cho bị cáo số tiền 1.000.000 đồng, không yêu cầu bị cáo bồi thường về phần dân sự. Xét yêu cầu của ông Mến là hoàn toàn tự nguyện. Hội đồng xét xử không đề cập vấn đề giải quyết.

[9] Về vật chứng: Đối với vật chứng liên quan đến hành vi phạm tội đã được giải quyết tại Bản án số 23/2023/HS- ST ngày 18/5/2023 của Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn. Hội đồng xét xử không đề cập vấn đề giải quyết.

[10] Đối với La Ngọc Giang đã bị xét xử tại Bản án số 23/2023/HS- ST ngày 18/5/2023 của Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn. Hội đồng xét xử không đề cập vấn đề giải quyết.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố bị cáo Lương Ngọc N, phạm tội *"Trộm cắp tài sản"*.

Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm b, h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 91, Điều 98 khoản 1 Điều 101 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Lương Ngọc N 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Lương Ngọc N phải chịu 200.000đ *(hai trăm nghìn đồng)* tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Quyền kháng cáo Bản án: Bị cáo, người đại diện theo pháp luật, Người bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc niêm yết; người bào chữa có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các điều 6, điều 7, điều 7a và điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo điều 30 Luật thi hành án dân.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai (01);
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai (01);
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Bàn (01);
- Công an huyện Văn Bàn (02);
- Bị cáo (01);
- Người đại diện theo pháp luật
- Người bị hại;
- Người bào chữa.
- UBND xã Khánh Yên Hạ (để niêm yết)
- Sở tư pháp tỉnh Lào Cai (01);
- THAHS, THADS huyện Văn Bàn ;
- V.Phòng, C.Án, T.Phán (03).
- Lưu H.sơ vụ án (02).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Lựa

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các điều 6, điều 7, điều 7a và điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo điều 30 Luật thi hành án dân sự.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các hội thẩm nhân dân **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Nghị án kết thúc vào hồi giờ phút, cùng ngày

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả các thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các hội thẩm nhân dân **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**